

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-PT
Ngày 12-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vân

Bà Phạm Mai Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thị xã NL, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐ-PT ngày 12-12-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐ-PT ngày 28-12-2023, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV (Viết tắt là VPBank); địa chỉ: Số 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B - Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân miền Bắc - Khối quản trị rủi ro; người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đức C - Trưởng nhóm xử lý nợ và ông Nguyễn Thanh T - Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 2610/2023/UQ- KHCN ngày 03-11-2023). Ông C, ông T đều vắng mặt;

2 - *Bị đơn:* Ông Đàm Xuân N; sinh năm 1974 và bà Phạm Thị Thúy A, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Tổ 07, phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái đều vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Công ty Luật TNHH Quốc tế HH; địa chỉ: P 609, số 01 Đinh Lễ, phường TT, quận HK, Thành phố Hà Nội

(Do bà Nguyễn Việt E - Giám đốc là đại diện; theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 28-6-2023) có mặt;

3 - *Người kháng cáo:* Ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thuý A là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã NL thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-6-2023, Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đều thống nhất trình bày: Ngày 10-5-2022, ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thuý A vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV (Viết tắt là VPBank) theo Hợp đồng cho vay số: LN 2204255646000 ký ngày 10-05-2022, số tiền là 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*); thời hạn vay 300 tháng; mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng tiện lợi - vay sửa chữa nhà không thay đổi kết cấu; lãi xuất cho vay tại thời điểm giải ngân là 10,9%/năm (Tính theo năm với 365 ngày), lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (Thời gian cố định) hết thời gian cố định thì lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

- Lãi suất quá hạn: Áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150%, mức lãi suất cho vay trong hạn, áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi, nhưng tối đa không quá 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Thời hạn trả nợ: Trả gốc 01tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 15-5-2023. Trả nợ lãi: Định kỳ 01tháng/lần vào ngày 15. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15-6-2022.

Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền trên cho ông bà N A theo giấy đề nghị giải ngân ngày 10-5-2022.

*** Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay:** Khoản vay của khách hàng được bảo đảm tại VPBank bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN 2204255646000 số công chứng 3111 ngày 09-5-2022 tại Văn phòng Công chứng Mã Đình Nhật; địa chỉ: Số 52, đường Hoàng Hoa Thám, tổ 2, phường NTH, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và Thỏa thuận thông tin về tài sản gắn liền với thửa đất ngày 09-5-2022. Theo đó, tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất (Viết tắt là QSDĐ) và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 109, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Số nhà 24, đường Thanh Niên, tổ 11 (Nay là tổ 7), phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số: BU 770925, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở số CH 03029 Quyết định số: 941/QĐ-UBND do UBND thị xã NL, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-9-2015

mang tên bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà 03 tầng + 01 tum, nhà xây từ năm 2016. Năm 2019, xây dựng thêm 01 nhà lắp ghép khung thép 03 tầng, sàn gia cố bằng thép tấm không xây tường bao quanh. Giá trị tài sản thế chấp là 8.500.815.000 đồng (*Tám tỷ năm trăm triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng*) theo Biên bản định giá tài sản ngày 09-5-2022. Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền với đất ngày 10-5-2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (Viết tắt là VPĐKĐĐ) thị xã NL, tỉnh Yên Bái.

Đến ngày 12-5-2022, bà Phạm Thị Thúy A tiếp tục ký vay VPBank theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử. Để đảm bảo cho khoản vay này VPBank và ông bà N A ký kết Văn bản cam kết ngày 12-5-2022 để thực hiện khoản vay này theo Hợp đồng cho vay số LN 2204255646000 ký ngày 10-5-2022 đã được VPBank giải ngân và có tài sản bảo đảm là Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN 2204255646000 ngày 09-5-2022. VPBank đã giải ngân vào tài khoản của bà A ngày 26-5-2022:

- Số tiền gốc là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).
- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm.
- Thời hạn cho vay/thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 48 tháng.

- Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: Áp dụng theo biểu lãi xuất cho vay do VPBank quy định qua từng thời kỳ (*Theo Quyết định số: 1027/2016/QĐ-TGD ngày 25-11-2016 v/v Cơ chế lãi suất cho vay áp dụng cho khách hàng cá nhân và Quyết định số: 26/2021/QĐ-GĐK ngày 12-01-2021 v/v Ban hành thể lệ sản phẩm cho vay không TSBĐ dành cho khách hàng cá nhân đã được phê duyệt khoản vay có tài sản bảo đảm tại VPBank*).

- Trả lãi: Định kỳ 01tháng/lần, vào ngày 25.

- Lãi suất quá hạn: Áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150%, mức lãi suất cho vay trong hạn, áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi, nhưng tối đa không quá 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

* Trong quá trình sử dụng tiền vay, ông bà N A đã trả được cho VPBank số tiền cụ thể là:

- Đối với Hợp đồng cho vay số LN 2204255646000 ngày 10-5-2022, số tiền là 3.000.000.000 đồng, tính đến ngày 14-12-2022, ông bà N A đã trả được số tiền là 169.544.504 đồng (Trong đó: Tiền gốc: Không, tiền lãi: 169.544.504 đồng). Kể từ ngày 15-4-2023, ông bà N A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và gốc theo hợp đồng, đã vi phạm vào điều 6 của Hợp đồng tín dụng số LN

2204255646000 ký ngày 10-5-2022. VPBank đã nhiều lần gửi giấy báo nợ đến hạn, đôn đốc nhiều lần nhưng ông bà N A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như các cam kết trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên toàn bộ số nợ trên đã được chuyển thành nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 29-9-2023 ông bà N A còn nợ VPBank số tiền là 3.439.487.208 đồng.

Trong đó: - Nợ gốc: 3.000.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 135.058.236 đồng;
- Lãi quá hạn: 290.515.068 đồng;
- Phạt chậm trả: 13.913.904 đồng;

- Đối với Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử, số tiền 300.000.000 đồng, tính đến ngày 31-12-2022, ông bà N A đã trả được số tiền là 63.918.860 đồng (Trong đó: Tiền gốc: 31.779.605 đồng; tiền lãi: 32.139.255 đồng). Kể từ ngày 15-4-2023, ông bà N A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và gốc theo hợp đồng. Tính đến hết ngày 29-9-2023, ông bà N A còn nợ VPBank tổng số tiền là 332.512.624 đồng.

Trong đó: - Nợ gốc: 268.220.395 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 20.384.425 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 41.820.336 đồng;
- Phạt chậm trả: 2.087.468 đồng;

* Quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên, ông bà N A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 15-4-2023 và phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Tính đến hết ngày 29-9-2023, ông bà N A còn nợ VPBank tổng số tiền của cả 2 Hợp đồng là 3.771.999.883 đồng (Trong đó: Nợ gốc 3.268.220.395 đồng; nợ lãi trong hạn: 155.442.661 đồng; nợ lãi quá hạn: 332.335.405 đồng; phạt chậm trả 16.001.372 đồng). Nay VPBank yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A phải trả cho VPBank tổng số nợ của cả 2 Hợp đồng nêu trên (Tính đến hết ngày 29-9-2023) số tiền là 3.771.999.883 đồng (Trong đó: Nợ gốc 3.268.220.395 đồng; nợ lãi trong hạn: 155.442.661 đồng; nợ lãi quá hạn: 332.335.405 đồng; phạt chậm trả 16.001.372 đồng) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay số: LN 2204255646000 ngày 10-5-2023 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay ký ngày 12-05-2022 tại VPBank.

- Ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A phải tiếp tục trả tiền lãi cho VPBank theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho đến ngày thực tế ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A thanh toán hết số nợ cho VPBank.

- Nếu ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản toàn bộ tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông

Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A đề thu hồi nợ. Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông bà N A vẫn phải tiếp tục trả nợ cho VPBank cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

- Ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A phải trả cho VPBank số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Tại các Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A và người đại diện theo uỷ quyền đều thống nhất trình bày: Tháng 5-2022, VPBank có cho ông bà N A vay số tiền tổng cộng là 6,6 tỷ đồng, trong đó 300 triệu đồng vay tín chấp; 6,3 tỷ đồng (Gồm khoản vay 3 tỷ đồng và khoản vay 3,3 tỷ đồng) vay có tài sản bảo đảm là QSDĐ tại địa chỉ: Số nhà 24, đường Thanh Niên, tổ 11 (Nay là tổ 7), phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số: BU 770925, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở số CH 03029 Quyết định số: 941/QĐ-UBND do UBND thị xã NL, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-9-2015. Lãi của khoản vay 3 tỷ là 10,9%/năm và lãi của khoản 3,3 tỷ là 08%/năm. Việc làm hồ sơ vay vốn, hồ sơ thế chấp đều do nhân viên VPBank thực hiện, ông bà N A không được nhận bất cứ văn bản tài liệu nào sau khi ký các Hợp đồng nêu trên.

Về việc trả lãi: Hàng tháng ông bà N A trả lãi hơn 60 triệu đồng cho VPBank thông qua tin báo tin nhắn điện thoại, việc hoạch toán ông bà không được thông báo lại, nên không nắm được mỗi Hợp đồng đã trả được bao nhiêu tiền.

Về tài liệu chứng cứ do VPBank cung cấp: Xem xét thấy rằng các tài liệu VPBank cung cấp cho Tòa án đều là các bản sao được công chứng trên bản phô tô từ bản scan hoặc bản phô tô từ bản scan, nên không có tính pháp lý.

Đối với yêu cầu Tòa án sao chụp và gửi tài liệu cho bị đơn, nhưng Tòa án đã từ chối yêu cầu. Đề nghị Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp hoặc Tòa án thu thập bản chính hoặc bản sao hợp lệ của các Hợp đồng nêu trên.

- Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số LN 2204255646000 ngày 10-5-2022, số tiền vay là 3 tỷ đồng, bị đơn không đồng ý giao tài sản bảo đảm để xử lý nợ, chỉ chấp nhận chốt khoản nợ đến ngày 29-4-2023 là thời điểm ông bà N A có đơn gửi VPBank đề nghị sắp xếp buổi làm việc để đối chiếu nợ và bàn giao tài sản thế chấp để xử lý nhưng không được VPBank chấp nhận; bị đơn không chấp nhận trả lãi sau thời điểm ngày 29-4-2023, bởi từ tháng 12-2022 do ông bà N A có gặp khó khăn về tài chính nên có đề nghị VPBank cho chậm trả lãi nhưng VPBank không đồng ý, việc ông bà N A chưa bàn giao tài sản cho VPBank là lỗi của VPBank.

- Đối với Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 12-5-2022, số tiền vay 300 triệu đồng, trong đó chỉ có nghĩa vụ trả nợ theo

Hợp đồng LN 2204255646000 ngày 10-5-2022, còn Hợp đồng cho vay số 2204255646000 mới là được bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số: LN 2204255646000 ký ngày 09-5-2022. Ông bà N A thừa nhận đã trả được một phần nợ gốc là 45.560.879 đồng; nợ tiền gốc còn lại là 254.439.121 đồng, bị đơn không đồng ý với việc số tiền có được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được thanh toán cho khoản nợ gốc còn lại và nợ lãi theo yêu cầu của VPBank.

- Đối với tài sản đảm bảo: Ông bà N A chỉ thừa nhận việc thế chấp QSDĐ của ông bà N A đối với thửa đất, không thừa nhận việc thế chấp nhà ở và tài sản trên đất do không định giá tài sản bảo đảm trên đất, do công trình xây dựng trên đất chưa được đăng ký quyền sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 118 của Luật Nhà ở, Điều 123 của Bộ luật Dân sự và tại thời điểm giải quyết vụ án gia đình còn có 2 con của ông bà N A đang cùng sinh sống với cha mẹ (là Đàm Tùng X, sinh năm 1999 và Đàm Tuấn Z sinh 2009) không được biết và không có ý kiến của 2 con về việc cha mẹ đem tài sản thế chấp nên không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm do VPBank đưa ra.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thị xã NL đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 213, 218, 292, 296, 299, 317, 318, 319, 320, 357, 463, 466, 468, 470, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV.

* Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N phải trả nợ cho VPBank số tiền còn nợ của 2 Hợp đồng là **3.771.999.883** đồng. Trong đó: Nợ gốc 3.268.220.000 đồng; nợ lãi 487.778.066 đồng; phạt chậm trả 16.001.372 đồng. Cụ thể:

- Trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: LN 2204255646000 ngày 10-5-2022 là 3.439.487.208 đồng (*Ba tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm linh tám đồng*); trong đó: Nợ gốc: 3.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 135.058.236 đồng; lãi quá hạn: 290.515.068 đồng; phạt chậm trả: 13.913.904 đồng.

- Trả số tiền còn nợ theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử, ngày 12-5-2022, số tiền là 332.512.624 đồng (*Ba trăm ba mươi hai triệu, năm trăm mười hai nghìn, sáu trăm hai bốn đồng*); trong đó: Nợ gốc: 268.220.395

đồng; nợ lãi trong hạn: 20.384.425 đồng; nợ lãi quá hạn: 41.820.336 đồng; phạt chậm trả 2.087.468 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29-9-2023), ông bà N A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay (Trích dẫn án lệ số 08/2016/AL).

Nếu bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N không trả được số tiền trên thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: LN 2204255646000 ngày 09-5-2022 để thu hồi nợ gồm:

- Toàn bộ Giá trị QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BU 770925 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở số CH 03029 Quyết định số: 941/QĐ-UBND do UBND thị xã NL, tỉnh Yên Bái cấp mang tên bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N, diện tích thực tế là 139,1m² đất ở, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Số nhà 24, đường Thanh Niên, tổ 11 (Nay là tổ 7), phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái và toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà ở xây 03 tầng, 01 nhà lắp ghép khung thép 03 tầng, sàn gia cố bằng thép tấm không xây tường bao quanh (Theo Biên bản thỏa thuận ngày 09-5-2022). Đất có các cạnh thửa (tứ cận) như sau:

- + Phía Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn H1 dài 3m;
- + Phía Tây giáp đường Thanh Niên dài 8m;
- + Phía Nam giáp đất nhà ông Nguyễn Duy T1. (Từ điểm 8 đến điểm 9 dài 22,93m; từ điểm 9 đến điểm 10 dài 0,86m; từ điểm 10 đến điểm 1 là 0,81m)
- + Phía Bắc giáp đất nhà ông Vương Văn H2 + bà Vương Thị N1. (Từ điểm 2 đến điểm 3 là 1,43m; từ điểm 3 đến điểm 4 là 9,1m; từ điểm 4 đến điểm 5 là 0,3m; từ điểm 5 đến điểm 6 là 13,6m; từ điểm 6 đến điểm 7 là 1,06m).

Trong trường hợp xử lý hết tài sản bảo đảm vẫn không thu đủ hết số nợ thì ông bà N A phải tiếp tục trả cho Ngân hàng đến khi hết nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12-10-2023, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thị xã NL, cụ thể như sau:

- Về nội dung: Ông bà N A trình bày và khẳng định có vay của VPBank số tiền 6,6 tỷ (Trong đó: 300 triệu đồng vay tín chấp không có tài sản bảo đảm; 6,3 tỷ vay có tài sản bảo đảm là QSDĐ tại địa chỉ: Số nhà 24, đường Thanh Niên, tổ 11 (Nay là tổ 7), phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Mọi thủ tục liên quan đến chuẩn bị hồ sơ đều do nhân viên VPBank thực hiện nên ông bà N A không biết hồ sơ thế chấp, vay vốn bao gồm những gì mà chỉ được thông báo bằng miệng là lãi vay cho khoản 3 tỷ là 10,9%/năm, khoản vay 3,3 tỷ là 8%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông bà N A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi hàng tháng theo thông báo tin nhắn điện thoại với số tiền hơn 60 triệu đồng. Đầu năm 2023, ông bà N A gặp khó khăn về tài chính nên đã gửi văn bản cho VPBank chậm trả lãi 03 tháng nhưng không được VPBank đồng ý. Tháng 4-2023, ông bà N A đồng ý bàn giao tài sản theo yêu cầu của VPBank và có văn bản đề nghị VPBank bố trí thời gian làm việc để đổi chiều công nợ và nhận bàn giao tài sản, nhưng VPBank không xem xét. Ông bà N A không cố tình vi phạm nghĩa vụ trả lãi vì đã thông báo ngay khi gặp rủi ro tài chính và chấp thuận yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông bà N A phải tiếp tục trả lãi từ sau tháng 4-2023 cho đến khi trả xong nợ gốc là không khách quan và thoả đáng. Toà án cấp sơ thẩm cũng không xác định đúng mức lãi suất đối với khoản vay tín chấp 300 triệu đồng (Do hai bên có thoả thuận về việc trả lãi nhưng không ghi rõ lãi suất). Việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN 2204255646000 ngày 09-5-2022 cũng được thanh toán cho khoản vay tín chấp 300 triệu đồng, không tài sản bảo đảm là trái quy định của pháp luật. Thoả thuận tại Văn bản cam kết ngày 12-5-2022 không có nội dung nào thể hiện khoản vay 300 triệu đồng là khoản vay có tài sản bảo đảm. Toà án cấp sơ thẩm không xem xét đến hiệu lực của Văn bản thoả thuận ngày 09-5-2022 về thế chấp tài sản gắn liền với đất nhưng đã tuyên VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm bao gồm cả toàn bộ tài sản gắn liền với đất là trái quy định của pháp luật về nhà ở bởi toàn bộ tài sản gắn liền với đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu; đồng thời có căn cứ để xác định các tài sản này còn thuộc quyền sở hữu của hai người con của ông bà N A là Đàm Tùng X và Đàm Tuấn Z.

- Về tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm thiếu sót trong việc xác minh, đánh giá chứng cứ, đã căn cứ vào tài liệu không hợp lệ để giải quyết vụ án. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 21-8-2023, bị đơn và người đại diện của bị đơn đã yêu cầu VPBank cung cấp các tài liệu liên quan trong vụ án nhưng VPBank không thực hiện, Toà án cấp sơ thẩm cũng không đồng ý cho người người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn sao chụp hồ sơ vụ án có đóng dấu bút lục cũng như không thực hiện các biện pháp cần thiết để xác minh tính xác thực của các tài liệu

liên quan trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập chứng cứ và đưa thiếu người tham gia tố tụng là Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã NL vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng, không đưa 02 con của ông bà N A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thị xã NL.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn VPBank vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A và người đại diện theo uỷ quyền vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công làm Chủ tọa phiên tòa, những người tiến hành tố tụng khác và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến quá trình xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng: khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông N và bà A. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thị xã NL, tỉnh Yên Bái theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của bà A và ông N theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền với đất số LN 2204255646000 ngày 09-5-2022 để thu hồi khoản tiền 332.512.624 đồng mà ông N và bà A còn nợ VPBank theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12-5-2022. Về án phí: Ông Ngọc, bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã NL đã xác định đúng quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn nộp trong thời hạn, đúng theo quy định của pháp luật và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận để xem xét.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã NL đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV; ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thuý A là bị đơn. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đã được thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

Ngày 10-01-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái nhận được 02 Đơn đề nghị đề ngày 09-01-2024 của VPBank và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên MARS với nội dung: Do VPBank đã bán toàn bộ khoản nợ của ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thuý A tại VPBank cho Công ty MARS. Đề Công ty MARS có thời gian hoàn thiện các tài liệu, chứng cứ, bổ sung cho Tòa tham gia tố tụng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty nên đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hoãn phiên tòa xét xử vụ án mở lại ngày 12-01-2024.

Xét đơn đề nghị hoãn phiên tòa của VPBank và Công ty MARS, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Ngoài lời trình bày của VPBank và Công ty MARS về việc VPBank đã bán toàn bộ khoản nợ của ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thuý A tại VPBank cho Công ty MARS thì nguyên đơn VPBank không cung cấp được tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung VPBank chuyển giao chủ nợ. Do đó, trong vụ án này, VPBank vẫn là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù VPBank đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án vẫn xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với Hợp đồng cho vay (Hợp đồng tín dụng) số: LN 2204255646000 ngày 10-5-2022 được ký kết giữa VPBank với ông Đàm Xuân N, bà Phạm Thị Thuý A và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12-5-2022 được ký kết giữa VPBank với bà Phạm Thị Thuý A là do các bên tự nguyện thỏa thuận tham gia ký kết, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, có hiệu lực tại thời điểm giao kết Hợp đồng nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Việc VPBank căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 1 của Hợp đồng tín dụng và Mục II của Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử nói trên để tính lãi suất trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, phạt chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng. Việc ông N, bà A không trả nợ cho VPBank theo đúng thời hạn là vi phạm Hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm đã ký kết giữa hai bên, vi phạm Điều 56 của Luật các Tổ chức tín dụng về quyền và nghĩa vụ của khách hàng vay. Vì vậy, ông N, bà A phải trả cho VPBank tổng số tiền là 3.771.999.883 đồng; trong đó: Nợ gốc 3.268.220.395 đồng; nợ lãi trong hạn:

155.442.661 đồng; nợ lãi quá hạn: 332.335.405 đồng (Tính đến hết ngày 29-9-2023); phạt chậm trả: 16.001.372 đồng) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay số: LN 2204255646000 ngày 10-5-2022 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay ngày 12-5-2022 tại VPBank là có căn cứ.

[4] Về Hợp đồng thế chấp tài sản và yêu cầu phát mại tài sản: Để đảm bảo cho khoản vay, ông Ngọc, bà A đã thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN 2204255646000 ngày 09-5-2022 và Thỏa thuận thông tin về tài sản gắn liền với thửa đất ngày 09-5-2022. Theo đó tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ QSDĐ và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 109, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Số nhà 24, đường Thanh Niên, tổ 11 (Nay là tổ 7), phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số: BU 770925, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở số CH 03029 Quyết định số: 941/QĐ-UBND do UBND thị xã NL, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-9-2015 mang tên bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà 03 tầng + 01 tum, nhà xây từ năm 2016; năm 2019, xây dựng thêm 01 nhà lắp ghép khung thép 03 tầng, sàn gia cố bằng thép tấm không xây tường bao quanh. Giá trị tài sản thế chấp là 8.500.815.000 đồng (*Theo Biên bản định giá tài sản ngày 09-5-2022*). Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền với đất ngày 10-5-2022 tại Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã NL, tỉnh Yên Bái.

Ngày 29-8-2023, Tòa án nhân dân thị xã NL, tỉnh Yên Bái đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp của bên thế chấp. Kết quả cụ thể như sau:

- Đất ở: Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 26 diện tích thực tế là 139,1m², tại địa chỉ: Số nhà 24, đường Thanh Niên, tổ 11 (nay là tổ 7), phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BU 770925, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở số CH 03029 Quyết định số: 941/QĐ-UBND do UBND thị xã NL, tỉnh Yên Bái cấp ngày 17-9-2015 mang tên bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N. Có vị trí như sau: Phía Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn H1 dài 3m; phía Tây giáp đường Thanh Niên dài 8m; phía Nam giáp đất nhà ông Nguyễn Duy T1 (*Từ điểm 8 đến điểm 9 dài 22,93m; từ điểm 9 đến điểm 10 dài 0,86m; từ điểm 10 đến điểm 1 là 0,81m*); phía Bắc giáp đất nhà ông Vương Văn H2 + bà Vương Thị N1 (*Từ điểm 2 đến điểm 3 là 1,43m; từ điểm 3 đến điểm 4 là 9,1m; từ điểm 4 đến điểm 5 là 0,3m; từ điểm 5 đến điểm 6 là 13,6m; từ điểm 6 đến điểm 7 là 1,06m*).

- Hiện trạng tài sản có trên đất thế chấp gồm: 01 căn nhà xây 03 tầng, 01 nhà lắp ghép khung thép 03 tầng, không xây tường bao quanh.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên được ký kết giữa VPBank với ông Ngọc, bà A đã có đầy đủ chữ ký của các thành phần liên quan, tự nguyện ký kết và được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định; nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực đối với các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng nội dung đã cam kết. Do ông N, bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của ông N, bà A theo Hợp đồng thế chấp nêu trên là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thuý A, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Ông N và bà A đã tham gia giao kết Hợp đồng tín dụng ngày 10-5-2022 và Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 09-5-2022, bà Phạm Thị Thuý A đã tham gia giao kết Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12-5-2022 với VPBank là tự nguyện, không bị ép buộc.

Tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 09-5-2022 đã ghi *“Tài sản thế chấp nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo đảm đối với bên Ngân hàng...”*. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 8 của Hợp đồng thế chấp tài sản đã nêu rõ: *“2. Khi xảy ra các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này, Bên Thế chấp đồng ý để bên Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Bên được bảo đảm. Việc xử lý tài sản thế chấp được hiểu là bên Ngân hàng tự xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp theo thoả thuận tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật....”*

Tại khoản 3 Điều 1 của Văn bản thoả thuận ngày 09-5-2022 được ký kết giữa ông N, bà A và VPBank đã ghi: *“3. Bằng thoả thuận này, Bên Thế chấp và Bên Ngân hàng cùng thoả thuận và thống nhất các nội dung sau đây liên quan tới tài sản trên đất:*

a) Bên Thế chấp xác nhận và cam kết rằng toàn bộ tài sản trên đất thuộc sở hữu riêng, toàn bộ của Bên Thế chấp và không liên quan tới quyền sở hữu, sử dụng hay công sức, tài sản đóng góp của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào”.

Như vậy, Hồ sơ thế chấp tài sản ngày 09-5-2022 và Văn bản thoả thuận ngày 09-5-2022 đã thể hiện giữa ông bà N A và VPBank tự nguyện ký kết Văn bản thoả thuận và Hợp đồng thế chấp tài sản trên được thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng ngày 10-5-2022 nên các văn bản thoả thuận có giá trị pháp lý. Hồ sơ thế chấp tài sản của ông bà N A với VPBank đều đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại các Điều 117, 401 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật, các bên tham gia ký kết phải thực hiện. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã NL và không đưa hai người con của ông

bà N A là Đàm Tùng X và Đàm Tuấn Z vào tham gia tố tụng tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn chính xác. Do đó, nội dung kháng cáo về việc VPBank không có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền với đất và việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng của ông Ngọc, bà A là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với nội dung kháng cáo của ông bà N A về việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN 2204255646000 ngày 09-5-2022 cũng được thanh toán cho khoản vay tín chấp 300 triệu đồng, không tài sản bảo đảm là trái quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Khoản vay 300 triệu đồng của ông bà N, A tại VPBank ngày 12-5-2022 thể hiện trong Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử là khoản vay tín chấp, cho vay không tài sản bảo đảm. Tại mục lãi suất cho vay trong hạn (Trang 3) của Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay này đã quy định: *“Mức lãi suất tham chiếu được xác định theo Biểu lãi suất tham chiếu áp dụng đối với các khoản vay không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân tại VPBank được VPBank công bố (Được niêm yết tại Website: www.vp.bank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Biên độ điều chỉnh cụ thể sẽ được thông báo đến khách hàng tại xác nhận chấp thuận của VPBank”*. Như vậy, theo thoả thuận của ông bà N A và VPBank thì khoản vay 300 triệu đồng là khoản vay không có tài sản bảo đảm, lãi suất trong hạn là 20%/năm (*Theo biểu tính lãi của VPBank*). Khi ông bà N A vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay này, Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu của VPBank về phát mại tài sản bảo đảm, bao gồm toàn bộ tài sản là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất của ông bà N A để thu hồi nợ đối với khoản vay này là không đúng. Do đó, kháng cáo của ông bà N A là có căn cứ, cần sửa lại một phần Bản án sơ thẩm đối với nội dung này.

Ngoài ra, ông bà N A còn kháng cáo về tính hợp pháp của các tài liệu do VPBank cung cấp cho Tòa án như: Hợp đồng tín dụng, Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, Văn bản thoả thuận và các tài liệu khác là các tài liệu chưa đảm bảo tính pháp lý. Nội dung này đã được VPBank khắc phục tại cấp phúc thẩm.

Về việc kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ, đảm bảo và đúng quy định tại các Điều 96, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nội dung nêu trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV: Buộc ông N và bà Nhung phải trả số tiền còn nợ cho VPBank là 3.771.999.883 đồng. Trong đó nợ gốc: 3.268.220.395 đồng; nợ lãi trong hạn: 155.442.661

đồng; nợ lãi quá hạn: 332.335.405 đồng (Lãi tính đến hết ngày 29-9-2023); phạt chậm trả: 16.001.372 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng; nếu ông bà N A không trả được số tiền trên thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của ông Ngọc, bà A để thu hồi nợ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số: LN 2204255646000 ngày 10-5-2022 và Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 09-5-2022 là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông bà N A đối với nội dung này không có căn cứ, không được chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị đơn ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thuý A về nội dung không đồng ý với yêu cầu của VPBank về phát mại tài sản bảo đảm, bao gồm toàn bộ tài sản là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất của ông bà N A để thu hồi nợ đối với khoản vay 300 triệu đồng không tài sản bảo đảm ngày 12-5-2022 là có căn cứ, được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 6.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bị đơn phải trả số tiền này cho nguyên đơn.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Áp dụng theo Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (*Được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-8-2016 và công bố theo Quyết định số 689/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao*).

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp pháp luật được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông N bà A được chấp nhận một phần nên ông N và bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thuý A. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân thị xã NL, tỉnh Yên Bái, như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 213, 218, 292, 296, 299, 317, 318, 319, 320, 357, 463, 466, 468, 470, 500, 501 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV đối với ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A.

1.2. Buộc bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV số tiền còn nợ của 2 Hợp đồng là **3.771.999.883** đồng. Trong đó: Nợ gốc 3.268.220.000 đồng; nợ lãi 487.778.066 đồng (*Tính đến hết ngày 29-9-2023*); phạt chậm trả 16.001.372 đồng. Cụ thể như sau:

- Trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN 2204255646000 ngày 10-5-2022 tại VPBank là 3.439.487.208 đồng (*Ba tỷ, bốn trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm linh tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 3.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 135.058.236 đồng; lãi quá hạn: 290.515.068 đồng (*Tính đến hết ngày 29-9-2023*); phạt chậm trả: 13.913.904 đồng.

- Trả số tiền còn nợ theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử, ngày 12-5-2022 là 332.512.624 đồng (*Ba trăm ba mươi hai triệu, năm trăm mười hai nghìn, sáu trăm hai bốn đồng*) (Trong đó: Nợ gốc: 268.220.395 đồng; lãi trong hạn: 20.384.425 đồng; lãi quá hạn: 41.820.336 đồng (*Tính đến hết ngày 29-9-2023*); phạt chậm trả 2.087.468 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông bà N A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N không trả được số tiền còn nợ 3.439.487.208 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LN 2204255646000 ngày 10-5-2022 cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền với đất số LN

2204255646000 ngày 09-5-2022 để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, gồm:

- Toàn bộ giá trị QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BU 770925 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở số CH 03029 Quyết định số 941/QĐ-UBND do UBND thị xã NL, tỉnh Yên Bái cấp mang tên bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N, diện tích thực tế là 139,1m² đất ở, thửa đất số 109, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ: Số nhà 24, đường Thanh Niên, tổ 11 (Nay là tổ 7), phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái và toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà ở xây 03 tầng, 01 nhà lắp ghép khung thép 03 tầng, sàn gia cố bằng thép tấm không xây tường bao quanh (Theo Văn bản thỏa thuận ngày 09-5-2022). Vị trí thửa đất như sau: Phía Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn H1 dài 3m; phía Tây giáp đường Thanh Niên dài 8m; phía Nam giáp đất nhà ông Nguyễn Duy T1 (*Từ điểm 8 đến điểm 9 dài 22,93m; từ điểm 9 đến điểm 10 dài 0,86m; từ điểm 10 đến điểm 1 là 0,81m*); phía Bắc giáp đất nhà ông Vương Văn H2 + bà Vương Thị N1 (*Từ điểm 2 đến điểm 3 là 1,43m; từ điểm 3 đến điểm 4 là 9,1m; từ điểm 4 đến điểm 5 là 0,3m; từ điểm 5 đến điểm 6 là 13,6m; từ điểm 6 đến điểm 7 là 1,06m*).

Trong trường hợp xử lý hết tài sản bảo đảm vẫn không thu đủ hết số nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên thì bà ông bà N A phải tiếp tục trả cho VPBank đến khi hết nợ vay theo Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV về việc yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền với đất số LN 2204255646000 ngày 09-5-2022 để thu hồi khoản tiền 332.512.624 đồng mà ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A còn nợ VPBank theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 12-5-2022.

1.4. Về chi phí tố tụng: Ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A phải chịu 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do VPBank đã nộp 6.500.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A phải trả lại cho VPBank số tiền 6.500.000 đồng.

Kể từ ngày VPBank có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thúy A chưa thi hành xong khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền 50.827.300 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2022/0000800 ngày 13-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NL, tỉnh Yên Bái.

Bà Phạm Thị Thúy A và ông Đàm Xuân N phải chịu 107.440.000 đồng (*Một trăm linh bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Ngọc, bà A chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đàm Xuân N và bà Phạm Thị Thuý A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2022/0000858 ngày 26-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NL.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1, TANDCC tại HN;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND TX NL;
- Chi cục THADS TX. NL;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, TA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Lan